
QUY CHẾ

**Hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng
khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36 /NQ-HĐND ngày 11 /8/2016
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về trách nhiệm, nguyên tắc, phương thức hoạt động, mối quan hệ công tác, điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021 có trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, các văn bản pháp luật khác có liên quan và quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
2. Hiện đại, minh bạch, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân.
3. Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Chương II

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 3. Hội đồng nhân dân thành phố

1. Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân trên địa bàn thành phố, chịu trách nhiệm trước nhân dân và cơ quan nhà nước Trung ương.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng các ban và Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Hội đồng nhân dân thành phố có 4 Ban là: Ban pháp chế, Ban kinh tế - ngân sách, Ban văn hóa - xã hội, Ban đô thị và có 07 tổ đại biểu được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thành phố

1. Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 40 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện hoạt động giám sát theo Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Điều 5. Kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố

1. Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức các kỳ họp thường lệ mỗi năm 2 lần vào giữa năm và cuối năm. Hội đồng nhân dân thành phố họp bất thường khi Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố yêu cầu.

2. Hội đồng nhân dân thành phố họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố thì Hội đồng nhân dân thành phố quyết định họp kín.

3. Chương trình kỳ họp, việc triệu tập, chủ tọa, điều hành các hoạt động tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện theo quy định từ Điều 79 đến Điều 92 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, đại biểu khách mời là đại diện các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội của thành phố phải tham dự đầy đủ thời gian chương trình kỳ họp; vắng mặt phải được Chủ tịch HĐND, Chủ tọa kỳ họp đồng ý.

Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố thông báo công khai danh sách đại biểu vắng mặt vào đầu và cuối buổi làm việc của kỳ họp.

5. Đại biểu dự kỳ họp phải tuân thủ đầy đủ Nội quy kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố.

6. Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, việc chất vấn và trả lời chất vấn thực hiện theo Điều 60 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và Điều 96 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

a) Nội dung chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, của người có trách nhiệm trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố phải ngắn gọn, đúng trọng tâm.

b) Mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân được quyền chất vấn một hoặc nhiều lần về một hoặc nhiều vấn đề. Việc trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố có thể được thực hiện bằng văn bản hoặc trả lời trực tiếp tại kỳ họp.

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố được quyền tham gia ý kiến thảo luận tại kỳ họp, mỗi lần phát biểu không quá 10 phút.

Đại biểu khách mời được phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách nếu được Chủ tọa kỳ họp đồng ý hoặc theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Chủ tọa kỳ họp.

8. Những ý kiến chất vấn, trả lời chất vấn và phát biểu thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, của đại biểu khách mời phải được ghi đầy đủ vào biên bản kỳ họp.

Điều 6. Chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố

1. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố chuẩn bị nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố đảm bảo các điều kiện phục vụ kỳ họp và thực hiện công tác thư ký kỳ họp.

Điều 7. Hoạt động sau kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố hoàn chỉnh các nghị quyết, báo cáo, biên bản của kỳ họp trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố ký chứng thực và phát hành theo Điều 86 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Tùy tình hình cụ thể, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức họp liên tịch với Ủy ban nhân dân và các cơ quan liên quan để đánh giá rút kinh nghiệm việc tổ chức, chuẩn bị và phục vụ kỳ họp.

Chương III

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 8. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

1. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố là cơ quan Thường trực của Hội đồng nhân dân thành phố, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Đồng thời phát huy trách nhiệm của người đứng đầu và cá nhân

các thành viên trong tập thể Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố đối với công việc theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 105 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và theo Quy chế phân công nhiệm vụ cụ thể của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 10. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố được tổ chức thường kỳ hàng tháng, vào ngày thứ hai cuối cùng của tháng. Nếu trùng vào ngày nghỉ lễ, tết thì thay đổi theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố. Việc tổ chức phiên họp thực hiện theo Điều 106 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Ngoài phiên họp thường kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, nếu phát sinh vấn đề cấp bách, quan trọng cần phải có ý kiến thống nhất của tập thể Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thì Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố quyết định tổ chức phiên họp bất thường.

3. Trong các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố có thể yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố theo Điều 72 hoặc trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố theo Điều 69 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Điều 11. Giao ban của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân và Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố

1. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố họp giao ban với lãnh đạo các Ban và Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố mỗi tuần một lần vào ngày thứ 2 hằng tuần. Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố chủ trì cuộc họp giao ban hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố chủ trì. Thành phần tham dự họp giao ban bao gồm: các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Phó trưởng các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Phó Chánh Văn phòng và Trưởng, Phó các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Tại cuộc họp giao ban, các Ban và Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố báo cáo tình hình, kết quả công tác trong tuần, các vướng mắc, tồn tại, hạn chế và kiến nghị với Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố. Các thành viên dự họp thảo luận và chủ trì cuộc họp kết luận. Ý kiến kết luận của chủ trì cuộc họp được thông báo, gửi đến các cơ quan liên quan để biết, triển khai thực hiện.

Điều 12. Quan hệ công tác giữa Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố với các Ban, Thường trực Hội đồng nhân dân quận, huyện, tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố

1. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban Hội đồng nhân dân thành phố; xem xét kết quả giám sát của các Ban khi xét thấy cần thiết.

2. Thông qua các Ban, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân quận, huyện; chỉ đạo hoạt động của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 13. Quan hệ công tác giữa Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố với các cơ quan Trung ương và địa phương

1. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố báo cáo công tác gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

2. Căn cứ vào Quy chế phân công nhiệm vụ, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố cử thành viên tham dự các cuộc họp của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố giữ mối quan hệ và phối hợp công tác với Ủy ban nhân dân thành phố, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, đồng thời thực hiện nghiêm túc các nội dung theo quy chế phối hợp công tác giữa ba bên Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố trong việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân, các ngành, các cấp ở địa phương về một số dự án luật; làm tốt công tác tiếp xúc cử tri, đặc biệt là tổ chức giám sát chuyên sâu việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Thông qua các buổi tiếp xúc cử tri và hoạt động giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phản ánh kịp thời với Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố về tâm tư, nguyện vọng của cử tri thành phố thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương để Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố có cơ sở tổng hợp và phản ánh, báo cáo tại kỳ họp Quốc hội.

5. Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố và các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

Chương IV

CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 14. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố

Ban của Hội đồng nhân dân thành phố là cơ quan của Hội đồng nhân dân, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân thành phố, giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân thành phố.

Mỗi Ban của Hội đồng nhân dân thành phố có 11 thành viên gồm Trưởng ban, các Phó trưởng ban là đại biểu chuyên trách và các ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động kiêm nhiệm.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban Hội đồng nhân dân thành phố

Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định từ các Điều 108 đến Điều 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và theo Quy chế làm việc của từng Ban.

Điều 16. Trách nhiệm của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên của Ban

1. Trách nhiệm của Trưởng ban:

Trưởng ban ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phân công với tư cách là thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Chỉ đạo, điều hành công việc của Ban; thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành; thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ký các văn bản thuộc lĩnh vực phụ trách theo Quy chế phân công nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

b) Chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban, chỉ đạo công tác hoạt động của Ban;

c) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban khác của Hội đồng nhân dân thành phố, các cơ quan, tổ chức ở địa phương và trung ương đóng trên địa bàn;

d) Báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

đ) Tham dự các cuộc họp do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố triệu tập; thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách do Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan, tổ chức ở địa phương mời;

e) Tổ chức việc giám sát, khảo sát của Ban;

g) Trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Phó Trưởng ban giúp Trưởng ban thực hiện chỉ đạo, điều hành một số công việc của Ban; khi Trưởng ban vắng mặt và ủy quyền, Phó Trưởng ban điều hành công việc của Ban.

3. Các thành viên của Ban có trách nhiệm chấp hành sự chỉ đạo, điều hành của Trưởng ban; tích cực tham gia các hoạt động của Ban và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về kết quả công tác của cá nhân theo phân công của Trưởng ban.

Điều 17. Quan hệ phối hợp công tác giữa các Ban với Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố và giữa các Ban với nhau

1. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban của Hội đồng nhân dân được thực hiện theo Điều 110 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm tham mưu, phục vụ hoạt động của các Ban Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 18. Quan hệ phối hợp giữa các Ban với Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố

Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp với các Tổ đại biểu trong việc tổ chức tiếp xúc cử tri, giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và một số hoạt động khác theo quy định của pháp luật và theo Quy chế này.

Chương V

ĐẠI BIỂU VÀ TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 19. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định từ các Điều 93 đến Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Bên cạnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo khoản 1 Điều này, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Nghiên cứu chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước và từ thực tiễn cuộc sống, đại biểu có trách nhiệm chủ động đề xuất Hội đồng nhân dân thành phố xây dựng các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn thành phố.

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Trưởng ban các Ban Hội đồng nhân dân thành phố hoặc Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố triệu tập mà đại biểu là thành viên. Khi tham dự kỳ họp, tiếp xúc cử tri, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đeo phù hiệu đại biểu Hội đồng nhân dân

thành phố. Trong trường hợp vắng mặt, phải báo cáo bằng văn bản và được sự cho phép của người có thẩm quyền.

c) Khi nhận các tài liệu của kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố và cơ quan liên quan gửi đến, đại biểu phải nghiên cứu và báo cáo những vấn đề liên quan với cử tri, chuẩn bị ý kiến đóng góp vào nội dung kỳ họp; các bản dự thảo do Thư ký kỳ họp chuyển đến để lấy ý kiến đại biểu có trách nhiệm tham gia ý kiến và chuyển lại Thư ký kỳ họp theo thời gian quy định của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

d) Tập trung tham gia góp ý nội dung các dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố thông qua việc phát biểu góp ý trực tiếp tại hội trường hoặc chỉnh sửa trực tiếp vào văn bản dự thảo; thể hiện rõ chính kiến đối với những dự thảo Nghị quyết còn có nhiều ý kiến, phương án khác nhau.

đ) Tích cực tranh luận, chất vấn đối với các vấn đề bức xúc của cử tri. Việc chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố phải tuân thủ quy định tại Điều 96 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Thời gian nêu chất vấn của đại biểu tại hội trường không quá 05 phút.

e) Tiếp công dân theo kế hoạch, chương trình của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố hoặc do Tổ trưởng phân công ở đơn vị bầu cử, nhằm thu thập ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của công dân; giải thích, tuyên truyền pháp luật; hướng dẫn, giúp công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

Đại biểu HĐND có trách nhiệm tiếp nhận đơn thư của công dân để xử lý theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm đôn đốc, theo dõi và giám sát việc giải quyết.

g) Thường xuyên bám sát cơ sở, chủ động gặp gỡ cử tri bằng nhiều hình thức gián tiếp, trực tiếp, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát hiện kịp thời những sai phạm trong công tác quản lý kinh tế - xã hội, có kiến nghị biện pháp khắc phục.

h) Xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu, vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác, phải làm đơn đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân thành phố chấp nhận cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu.

Điều 20. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 112 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; tổ chức họp mỗi quý một lần để kiểm điểm tình hình hoạt động trong quý, bàn kế hoạch công tác thời gian đến, gửi báo cáo và biên bản cuộc họp đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trước ngày 25 của tháng cuối cùng trong quý.

2. Trách nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên

a) Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu, bao gồm:

Chủ trì các cuộc họp Tổ, tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu và các thành viên dự họp để phản ánh với Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

Phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp quận, huyện tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri.

Phân công và đôn đốc các đại biểu trong Tổ tham dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân cấp quận, huyện khi được mời.

Phân công đại biểu viết báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri; đôn đốc đại biểu trong tổ gửi báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri về Tổ để gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố đúng thời hạn.

Tổ chức và phân công các thành viên trong Tổ thực hiện một số nội dung giám sát về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn ứng cử. Báo cáo kết quả giám sát về Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố; có văn bản kiến nghị, đề xuất đối với các cơ quan đơn vị, liên quan.

Trước 20 ngày kể từ ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố, Tổ đại biểu phải tổ chức họp để nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến tại kỳ họp, đồng thời tổ chức kiểm điểm, đánh giá tình hình hoạt động của Tổ và bàn kế hoạch công tác của Tổ trong thời gian đến.

b) Tổ phó giúp Tổ trưởng điều hành hoạt động của Tổ theo phân công của Tổ trưởng.

c) Các đại biểu trong Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp do Tổ trưởng triệu tập, chấp hành sự phân công của Tổ trong việc tiếp xúc cử tri, báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri; tham gia đầy đủ các hoạt động giám sát của Tổ đại biểu, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố khi được phân công hoặc mời tham gia; quan hệ chặt chẽ với chính quyền, cơ quan, đơn vị, nhân dân trong khu vực để nắm tình hình, nguyện vọng nhân dân và phản ánh trong các cuộc họp Tổ đại biểu.

Chương VI **ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG** **CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

Điều 21. Điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố và bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân thành phố do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trình

Hội đồng nhân dân thành phố quyết định trong kế hoạch ngân sách hằng năm của thành phố. Việc sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nội dung chi, định mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố được thực hiện theo các quy định của Nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố chịu trách nhiệm bảo đảm điều kiện phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố

Các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố được đảm bảo các điều kiện phục vụ hoạt động theo Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua cho đến hết nhiệm kỳ 2016-2021 Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX. Khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ ban hành những quy định khác với Quy chế này thì thực hiện các văn bản của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

Điều 24. Trách nhiệm thực hiện

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm giám sát và thực hiện Quy chế này./.
